

Số: 5305 /TB-SVHTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc lấy ý kiến nhân dân đối với việc điều chỉnh lý trình, đặt tên đường và công trình công cộng trên địa bàn Quận 1, Quận 12, quận Tân Phú và thành phố Thủ Đức

Ngày 01 tháng 10 năm 2024, Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Hội đồng) đã họp cho ý kiến đối với việc điều chỉnh lý trình, đặt tên đường và công trình công cộng trên địa bàn Quận 1, Quận 12, quận Tân Phú và thành phố Thủ Đức. Các thành viên đã cho ý kiến và thống nhất về các đề xuất đặt tên đường, công trình công cộng và điều chỉnh lý trình, cụ thể như sau:

I. VỀ VIỆC ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH LÝ TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN TÂN PHÚ (2 tuyến đường)

STT	Tuyến đường	Địa bàn	Lý trình cũ		Lý trình bổ sung		Lý trình sau khi điều chỉnh	
			Điểm đầu	Điểm cuối	Điểm đầu	Điểm cuối	Điểm đầu	Điểm cuối
1	Đàm Thận Huy	Quận Tân Phú	Đường Phạm Văn Xảo	Đường Văn Cao	Đường Độc Lập	Đường Lê Thúc Hoạch	Đường Độc Lập	Đường Lê Thúc Hoạch
			Dài 122m; Lộ giới hiện hữu: 12m		Dài: 1.354m, lộ giới 12m (có đoạn nằm song song với đường Đàm Thận Huy)		Dài: 1.354m, lộ giới 12m (có đoạn nằm song song với đường Đàm Thận Huy)	
2	Nguyễn Xuân Khoát	Quận Tân Phú	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Vườn Lài	Đường Vườn Lài	Hèm 76 Lê Văn Phan (Hèm 83 Vườn Lài)	Đường Trần Hưng Đạo	Hèm 76 Lê Văn Phan
			Dài 1.251m, lộ giới hiện hữu: 16m		Dài 220m, lộ giới hiện hữu: 16m		Dài: 1.471m, lộ giới hiện hữu: 16m	

II. VỀ VIỆC ĐỀ NGHỊ ĐẶT TÊN ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN TÂN PHÚ VÀ QUẬN 12 (11 tuyến đường)

STT	Tên đường hiện hữu	Địa bàn	Chiều dài	Quy mô mặt cắt ngang đường	Lộ giới	Lý trình		Tên đường đề nghị đặt mới
						Điểm đầu	Điểm cuối	
QUẬN TÂN PHÚ								
1.	Đường N1	Tân Phú	1.150m		Hiện hữu: 30m	Đường Tân Thắng	Đường Kênh 19/5	Tân Thạnh
QUẬN 12								
2.	Đường Trung Mỹ Tây 13	Quận 12	900m	Lòng đường 8m, vỉa hè 2mx2	12m	Đường Song hành QL 22	Tô Ký	Phan Văn Hùm (1902 - 1946)
3.	Đường Trung Mỹ Tây 2A	Quận 12	895m	Lòng đường 7m; vỉa hè: 3mx2	13m	QL 22	Trường Quân sự QK7	Nguyễn Thị Trên (1930 - 1968)
4.	Đường Trung Mỹ Tây 7A	Quận 12	595m	Lòng đường 11m; vỉa hè 4,5mx2	20m	QL1	Trung Mỹ Tây 2A	Đồng Tiến
5.	Đường Thới An 03	Quận 12	300m	Lòng đường 20m; vỉa hè 2,5mx2 (tùy đoạn)	25m	Đường Lê Văn Khương	Ranh dự án Đồng Gia	Ba Du (1904 - 1980)
6.	Đường Thới An 06	Quận 12	225m	Lòng đường 7m, vỉa hè 3mx2	12m	Đường Lê Văn Khương	Đường Trần Thị Cờ	Trần Văn Lắm (1915 - 1978)
7.	Đường Tân Thới Nhất 21	Quận 12	430m	Lòng đường 10m, vỉa hè 3m x2	16m	Tân Thới Nhất 17	Hẻm 90 Tân Thới Nhất 21	Lê Thị Ánh (1933 - 1967)
8.	Đường Đ32	Quận 12	450m	Lòng đường 7m, vỉa hè 3mx2	13m	Tân Thới Nhất 17	Cuối ranh dự án khu tái định cư 10ha	Thắm Thệ Hà (1923-2009)

9.	Đường Đ1	Quận 12	555m	Lòng đường 10,5m, vỉa hè 4.75x2, đoạn từ Tân Thới Nhất 15 cuối ranh dự án khu tái định cư 10ha, vỉa hè 4.75x3	20m	Tân Thới Nhất 17	Cuối ranh dự án khu tái định cư 10ha	Huỳnh Tấn Chùa (1918 - 1947)
10.	Đường Đ27	Quận 12	420m	Lòng đường 6m, vỉa hè 3mx2	12m	Dương Thị Giang	Đ11	Nam Đình (1906 - 1978)
11.	Đường Hiệp Thành 11	Quận 12	606m	Lòng đường 20m; vỉa hè 2.5mx2	12m	Nguyễn Ảnh Thủ	D2	Nguyễn Văn Vân (1920 - 1972)

III. VỀ VIỆC ĐẶT TÊN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

STT	Tên công trình công cộng hiện hữu	Địa bàn	Quy mô của công trình (Chiều dài - Lộ giới)		Tên công trình công cộng đề xuất đặt
1.	Công viên 30/4	Quận 1	3,5082 ha		Công viên 30 tháng 4
2.	Cầu Qua Đảo Kim Cương	TP. Thủ Đức	291,3m	18m	Cầu Trần Quý Kiên

Căn cứ khoản 1, Điều 17 Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng quy định: “...*Cần công bố công khai dự kiến đặt tên hoặc đổi tên đường, phố, công trình công cộng để nhân dân tham gia góp ý kiến trước khi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp tại các kỳ họp thường kỳ hàng năm*”.

Căn cứ khoản 2, Mục VI hình thức lấy ý kiến về dự kiến đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT của

Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) “*công bố công khai dự kiến đặt tên hoặc đổi tên đường, phố, công trình công cộng*”.

Sở Văn hóa và Thể thao - Cơ quan thường trực của Hội đồng công khai dự kiến điều chỉnh lý trình, đặt tên đường và công trình công cộng trên địa bàn Quận 1, Quận 12, quận Tân Phú và thành phố Thủ Đức để Nhân dân tham gia góp ý kiến.

Ý kiến góp ý của nhân dân gửi về Sở Văn hóa và Thể thao tại địa chỉ 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1 hoặc qua hộp thư điện tử của Phòng Quản lý Di sản Văn hóa - Sở Văn hóa và Thể thao (dsvh.svhtt@tphcm.gov.vn) trong 15 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo./.

(Đính kèm tóm tắt tiểu sử các nhân vật lịch sử, lịch sử địa danh và sơ đồ vị trí các tuyến đường dự kiến đặt tên)


Nơi nhận:

- UBND TP (để b/c);
 - VP UBND TP;
 - UBND Quận 1;
 - UBND Quận 12;
 - UBND quận Tân Phú;
 - UBND TP Thủ Đức;
 - Lãnh đạo Sở VH TT;
 - Lưu VT, P. QLDSVH (Khg)
- } (để phối hợp)



GIAM ĐỐC

Trần Thế Thuận

**TÓM TẮT TIỂU SỬ NHÂN VẬT LỊCH SỬ, LỊCH SỬ ĐỊA DANH
ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH LÝ TRÌNH, ĐỀ XUẤT ĐẶT TÊN ĐƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG**

1. Đàm Thận Huy

Đàm Thận Huy (1463-1526), hiệu là Mặc Trai, tự là Mặc Hiên Tứ, thụy là Trung Hiến, người làng Hương Mạc (còn gọi là làng Me), huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Năm 28 tuổi, ông thi đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ năm 1490 đời vua Lê Thánh Tông. Năm 1510, ông đã từng được triều đình cử đi sứ sang Trung Hoa thời nhà Minh. Ông làm quan đến chức Tán trị công thần Lễ bộ Thượng thư, Tú Lâm Cục kiêm Hàn Lâm Viện Thị Độc trưởng Hàn Lâm Viện Sư, Thiệu bảo Nhập Thị Kinh Diên tước Lâm Xuyên Bá. Năm 1522, vua Lê Chiêu Tông trốn khỏi quyền thần Mạc Đăng Dung, ra ngoài tập hợp tướng sĩ các trấn cần vương, ông nhận được huyết chiếu lui về Bắc Giang mộ binh khởi nghĩa. Năm 1525, vua Chiêu Tông bị Đăng Dung bắt từ Thanh Hóa mang về giam lỏng ở kinh thành. Đàm Thận Huy cầm quân ở Bắc Giang, vì quân ít, thế yếu, không địch nổi họ Mạc nên đã tuần tiết ở vùng Yên Thế, Thương Hạ Bắc Giang, hưởng thọ 64 tuổi.

Đường Đàm Thận Huy đặt tên theo Quyết định số 01/2002/QĐ-UB ngày 07 tháng 01 năm 2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố

2. Nguyễn Xuân Khoát

Nguyễn Xuân Khoát (1910-1994), nhạc sĩ, quê ở Hà Nội. Năm 1927, ông vào học ở Viễn Đông Âm nhạc viện (Hà Nội). Ông có thể chơi thành thạo violin, piano và nhất là contrebass. Sáng tác đầu tay của ông, bài *Bình minh* (thơ của Thế Lữ) được in trên tờ *Ngày Nay* năm 1938. Trong kháng chiến chống Pháp, ông theo bộ đội tham gia các chiến dịch hoặc đi thực tế, nghiên cứu sưu tầm khảo sát nghệ thuật âm nhạc dân tộc như chèo, ca trù và các làn điệu dân ca. Ông được bầu làm Chủ tịch Hội Nhạc sĩ Việt Nam khóa I và II (1957-1983). Cuộc đời sáng tác của ông gắn liền với việc bảo vệ và phát huy tính dân tộc trong âm nhạc. Các ca khúc của ông mang đậm chất liệu âm nhạc dân gian. Các ca khúc nổi tiếng của ông như *Tiếng chuông nhà thờ*, *Hát mừng bộ đội chiến thắng*, *Theo lời Bác gọi...* Ông được giới nhạc sĩ xem là đàn anh trong làng âm nhạc Việt Nam hiện đại, là một trong những người đặt nền móng cho việc nghiên cứu âm nhạc truyền thống của dân tộc. Năm 1996, ông được trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh.

Đường Nguyễn Xuân Khoát đặt tên theo Quyết định số 4016/1999/QĐ-UB-VX ngày 14 tháng 7 năm 1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Tân Thạnh

Năm 1820, Tân Thạnh là thôn thuộc tổng Dương Hòa, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, trấn Phiên An. Năm 1836, là thôn của tổng Bình Trị Hạ, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định. Năm 1880, là xã thôn của tổng Bình Thạnh Trung, hạt Sài Gòn. Năm 1910, thuộc tỉnh Gia Định.

Địa danh được bổ sung vào *Quỹ đất, đổi tên đường của Thành phố tại Nghị quyết số 66/2006/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân Thành phố*

4. Phan Văn Hùm (1902 - 1946)

Nhà hoạt động chính trị, nhà nghiên cứu, bút danh Phù Dao, Huỳnh U Mai, quê L. Bung, Lái Thiêu, Thủ Dầu Một (nay thuộc tỉnh Bình Dương).

Ông xuất thân trong một gia đình nông dân, thuở nhỏ học ở Sài Gòn, sau khi đỗ Trung học ra Hà Nội học ngành công chánh. Tốt nghiệp ông trở về Nam, không đi làm việc cho thực dân mà lui về quê đọc sách, liên lạc với các nhà yêu nước thời bấy giờ ở miền Nam như Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu, Mai Bạch Ngọc, Nguyễn Văn Bá.

Năm 1929 ông bị thực dân bắt vì bị vu là “*Đánh lính kín*”. Trong tù ông viết quyển *Ngồi tù Khám lớn* vạch tội thực dân Pháp cố tình vu khống và gài bẫy nhà yêu nước Nguyễn An Ninh, đồng thời lên án chế độ cai trị tàn nhẫn và nhà tù thực dân ở Đông Dương.

Năm 1930, ra tù ông sang Pháp du học, chuyên về triết học tại Trường Đại học Sorbonne.

Năm 1933, tốt nghiệp, ông về nước hợp tác với Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu, Nguyễn Văn Tạo, Trần Văn Thạch, Lê Văn Thử... xuất bản báo *La Lutte*, *Đồng Nai* làm cơ quan đấu tranh chống thực dân và tay sai công khai tại Sài Gòn.

Tại Sài Gòn ông vừa viết báo vừa dạy học tại các Trường Tư thực, cùng Phan Văn Chánh, Nguyễn Phi Oanh, Tạ Thu Thâu... tại các Trường Nguyễn Trọng Hi, Huỳnh Khương Ninh... Ông là tác giả có bài liên tục trên các báo : *Mai*, *Phụ nữ tân văn*, *Việt Thanh*, *Dân Quyền*, *Thần Chung*...

Năm 1936 ông cùng Tạ Thu Thâu, Nguyễn Văn Tạo đăc cử vào Hội đồng Thành phố Sài Gòn nhân dân số lao động của báo *La Lutte*.

Từ khi đăc cử, có tiếng nói công khai trong Hội đồng Thành phố, nhóm ông đã gây nên một tiếng vang lớn nên thực dân rất căm ghét, luôn tìm cách cách chức ông và các đồng viên cùng lập trường, quan điểm.

Năm 1939, ông ứng cử vào Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ đăc cử, nhưng bị thực dân gian lận, nhân một số bài báo đăng trên các báo, nhất là báo *La Lutte*, ông bị thực dân bắt giam và kết án đày đi Côn Đảo.

Năm 1942, được trả tự do, nhưng vẫn bị quản thúc tại Tân Uyên (Biên Hòa).

Cách Mạng Tháng Tám thành công, ông hăng hái tham gia các công tác ở Sài Gòn. Ông mất vào đầu năm 1946 tại Miền Đông Nam Bộ.

Ngoài một nhà hoạt động chính trị, Phan Văn Hùm còn là một nhà nghiên cứu nghiêm túc. Thuở sinh thời ông đã xuất bản các sách : *Ngồi tù Khám lớn (1929)*, *Biện chứng Pháp*, *Nỗi lòng Đồ Chiểu (1943)*, *Dương Từ Hà Mậu*, *Ngư tiều vấn đáp y thuật (chú thích)*, *Vương Dương Minh*, *Phật giáo triết học*, *Luận tụng* và một số bài biên khảo có giá trị trên các tạp chí.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Quỹ đặt, đổi tên đường của Thành phố tại Nghị quyết số 66/2006/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân Thành phố

5. Nguyễn Thị Trên (1930 -1968)

Liệt sĩ, Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng

- Quê quán: ấp Phú Lợi, xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi.

- Mẹ là liệt sĩ.

- Mẹ có 3 người thân là liệt sĩ, gồm:

1. Chồng, Liệt sĩ Phan Văn Phiền, sinh năm 1927, Trưởng đoàn Văn công T4 - Gia Định, hy sinh ngày 29/10/1968, tại ấp Phú Lợi, xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi

2. Con, Liệt sĩ Phan Văn Thum, sinh năm 1952, đội viên du kích xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi, hy sinh ngày 19/6/1972 tại xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi.

3. Con, Liệt sĩ Phan Văn Tiên, sinh năm 1965, cán bộ công an xã Chân Thành, Bình Long, tỉnh Bình Phước. Hy sinh ngày 2/5/1985, tại xã Chân Thành, Bình Long, tỉnh Bình Phước.

- Thông tin về Mẹ: Mẹ sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo tại huyện Củ Chi. Mẹ có 7 anh chị em tham gia kháng chiến chống Pháp và hy sinh. Mẹ sinh được 3 người con (2 trai và 1 gái). Trong kháng chiến, Mẹ công tác trong Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Phú Mỹ Hưng. Chiều ngày 5/6/1968, Mẹ cùng 12 chị em tham gia tải đạn, tiếp tế cho bộ đội đánh đồn giặc tại ấp Ràng, Củ Chi. Không may, máy bay địch phát hiện và bắn pháo sục hầm. Mẹ và 12 chị em hy sinh.

Quyết định **truy tặng** số QĐ 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Quỹ tên đường tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014

6. Đồng Tiến

Ấp của xã Đông Hưng Thuận, huyện Hóc Môn từ sau 30-4-1975. Đông Hưng Thuận trở thành tên phường của quận 12 từ sau 6-1-1997.

Địa danh được bổ sung vào Quỹ đất, đổi tên đường của Thành phố tại Nghị quyết số 66/2006/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân Thành phố

7. Ba Du (1904 – 1980)

Nghệ sĩ Cải lương. Tên thật là Phan Văn Hai. Quê xã Chánh Hiệp nay là xã Hòa Hiệp, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Từ khi còn là học sinh trung học, ông đã đam mê dờn ca tài tử. Là một nghệ sĩ cải lương, ông đã nổi tiếng trong các vở: *Mộc Quế Anh dâng cây, Anh hùng nào tam môn giai, Thôi Tử thí Tề Quân...* với lối hát, diễn nhiều sáng tạo, có “đánh đồ thiệt” (dùng đồ binh khí thật đánh nhau bằng võ Thiếu lâm). Đồng thời, ông cũng là soạn giả cải lương. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, ông hoạt động ở Đồng Tháp Mười, góp phần xây dựng Đoàn Ca kịch Cửu Long (đội cải lương của Chi hội Văn nghệ Nam Bộ).

Năm 1954, ông tập kết ra Bắc, công tác ở Đoàn Cải lương Quân đội, Ban Nghiên cứu sân khấu cải lương, Hiệu phó Trường Ca kịch dân tộc, đem kinh nghiệm của nhiều năm trong nghề xây dựng các đoàn cải lương, đào tạo các thế hệ diễn viên trẻ, nghiên cứu nghệ thuật sân khấu. Ông có công lớn trong việc xây dựng Đoàn Cải lương Nam Bộ.

Ông mất năm 1980, được truy tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” năm 1984.

Nhân vật lịch sử được bổ sung Quỹ tên đường tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố

8. Trần Văn Lắm (1915 – 1978)

Họa sĩ, Điêu khắc gia.

Quê tỉnh Chợ Lớn (nay thuộc Quận 5 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Thời tuổi trẻ ông học trung học tại Sài Gòn, năm 1929 vào học tại Trường Mỹ nghệ thực hành Gia Định (nay là Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh), năm 1930 tốt nghiệp làm việc tại Sài Gòn.

Năm 1936, ông ra Hà Nội thi vào Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương chuyên về điêu khắc, tốt nghiệp năm 1941 về làm việc tại Sài Gòn.

Sau ngày Pháp tái chiếm Nam bộ (23/9/1945), ông gia nhập lực lượng kháng chiến, phụ trách các khóa huấn luyện hội họa cho quân đội suốt 9 năm ở miền Tây Nam bộ.

Hiệp định Genève được ký kết giữa Việt - Pháp chấm dứt chiến tranh. Năm 1954 ông tập kết ra Bắc làm giáo sư tại Trường Cao đẳng Mỹ thuật Việt Nam (Hà Nội). Từng đảm nhiệm các chức vụ : *Hiệu Phó Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội, Phó Tổng Thư ký Hội Mỹ thuật Việt Nam.*

Sau ngày thống nhất đất nước (1976) ông về công tác tại Hội Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 1978 ông bệnh qua đời, thọ 63 tuổi.

Ông là tác giả nhiều tượng, chân dung được trưng bày tại các bảo tàng Mỹ thuật quốc gia.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Quỹ đặt, đổi tên đường của Thành phố tại Nghị quyết số 66/2006/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân Thành phố

9. Lê Thị Ánh (1933 - 1967)

Liệt sĩ, Anh hùng Lực lượng vũ trang

Quê quán: xã An Khánh, Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Mẹ là liệt sĩ.

- Mẹ có 2 người thân là liệt sĩ, gồm:

1. Chồng, Liệt sĩ Trịnh Văn Cổ, hy sinh ngày 14/10/1966, tại Củ Chi, truy tặng liệt sĩ ngày 16/12/1987.

2. Con, Liệt sĩ Trịnh Văn Nghiệp, sinh năm 1952, hy sinh ngày 18/6/1966, tại Củ Chi, truy tặng liệt sĩ ngày 30/7/1977.- Thông tin về Mẹ: Mẹ có 4 con, cả gia đình Mẹ đều tham gia cách mạng. Mẹ công tác tại Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Củ Chi, phụ trách cụm Trung Lập Thượng. Mẹ hy sinh năm 1967, truy tặng liệt sĩ ngày 8/6/1977.

Quyết định truy tặng số QĐ 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Quỹ tên đường tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014

10. Thẩm Thệ Hà (1923-2009)

Nhà văn

Tên khai sinh: Tạ Thành Kinh, sinh ngày 09/3/1923.

Quê quán: Gia Lộc, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Sơ lược quá trình hoạt động cách mạng và sự nghiệp văn chương:

Nhà văn Thẩm Thệ Hà tham gia cách mạng từ năm 1945 hoạt động trong Ban điệp báo Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định.

Năm 1949, cùng với Vũ Anh Khanh (1926-1956) thành lập nhà xuất bản Tân Việt Nam.

Từ năm 1952 – 1965, dạy học ở vùng tạm chiếm các trường: Nguyễn Văn Khuê, Chi Lăng, Tân Thanh, Đức Trí, Dân Trí, Trần Hưng Đạo.

Năm 1966, cùng với Tô Nguyệt Đình (1920-1988) thành lập nhà xuất bản Lá Dâu.

Sau 1975, ông là hội viên Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh, hội viên Hội Văn nghệ tỉnh Tây Ninh.

Thẩm Thệ Hà mất ngày 20/6/2009. Trong sự nghiệp văn chương, nhà văn Thẩm Thệ Hà đã để lại nhiều tác phẩm như: Vó ngựa câu thu, Gió Biên Thủy, Người yêu nước, xuất bản năm 1949; Đời tươi thắm, năm 1956; Hoa trinh nữ, năm 1957; Bạc áo hào hoa, năm 1969; Ai nghe lòng đất quặn đau, năm 1961; Tình yêu và lý tưởng, năm 1989; Thanh mai trúc mã, năm 1994; Nhà sư dị thường, năm 1996; và nhiều bài thơ đăng trên Phổ thông Bán nguyệt san và các báo như: Đồng trình, Chúa nhật, Thanh niên, Điện tín.

Thẩm Thệ Hà là một trong những nhà văn tiên phong, một cây bút tiêu biểu của văn học yêu nước ở thành thị Nam Bộ giai đoạn 1945 – 1975, sự nghiệp văn chương và những đóng góp quan trọng của nhà văn Thẩm Thệ Hà cho tiến trình văn học cách mạng và cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Nhà văn Thẩm Thệ Hà xứng đáng có một vị trí quan trọng trong lịch sử văn học Thế kỷ XX.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Quỹ tên đường tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 5351/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2016

11. Huỳnh Tấn Chùa (1918 - 1947)

Liệt sĩ, quê quán ấp Thuận Kiều, xã Đông Hưng Thuận (nay thuộc quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh). Ông sinh ra trong một gia đình có truyền thống cách mạng. Ngay từ thuở thiếu thời ông đã tham gia hoạt động cách mạng tại địa phương.

Năm 1935, ông thoát li gia đình tham gia hoạt động cách mạng. Năm 1936, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, cùng năm đó, ông bị thực dân Pháp bắt giam ở Khám Lớn Sài Gòn, chúng tra tấn rất dã man nhưng không khuất phục được ông. Sau đó ông bị kết án 5 năm tù và chuyển đến giam tại nhà tù Tân An (tỉnh Long An). Năm 1937, ông vượt ngục về quê nhà tiếp tục hoạt động cách mạng. Năm 1939, ông cùng các đồng chí khác tổ chức một cuộc mít-tinh lớn, rải truyền đơn, dán biểu ngữ ở Bà Điểm (Hóc Môn) để phản đối thực dân Pháp bắt thanh niên Việt Nam đi lính. Năm 1945, ông tham gia thành lập và là Ủy viên quân sự Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa.

Năm 1946, ông chỉ huy đánh bộ binh Pháp và xe bọc thép giải thoát cho Trung tướng Nguyễn Bình - Khu Bộ trưởng khu 7 ở xã Vĩnh Lộc

Năm 1947, ông chỉ huy Chi đội 12 phối hợp với một đơn vị của Chi đội hải ngoại Trần Phú đánh bọn lính dù Pháp ở Giồng Dinh không có chúng bao vây Bộ chỉ huy Bộ Tư lệnh Quân khu 7. Trong trận này, ta đã tiêu diệt được lực lượng tinh nhuệ của địch. Tin chiến thắng Giồng Dinh đã làm nức lòng đồng bào và chiến sĩ ta. Cũng trong trận đánh này, ông bị bom ép thổ huyết và anh dũng hy sinh vào 22 tháng 7 năm 1947 tại xã Hòa Khánh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Quỹ tên đường tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014

12. Nam Đình (1906 - 1978)

Nhà báo yêu nước . Tên thật là Nguyễn Thế Phương. Quê Long An.

Ông vào làng báo năm 1926, là phóng viên chuyên đề về tòa án của nhiều tờ báo ở Sài Gòn. Sau đó ông là chủ bút tờ Đuốc Công lý, chủ nhiệm kiêm chủ bút nhật báo Thần Chung (1949), tham gia làm báo Đuốc Nhà Nam.

Ông là nhà báo nổi tiếng với chủ trương thống nhất Tổ quốc, chống âm mưu thành lập chính phủ Nam Kỳ tự trị của bác sĩ Nguyễn Văn Thinh, bù nhìn của Pháp. Là tác giả nhiều tiểu thuyết được ưa chuộng như Tuý Hoa Đình, Mộng Hoa, Giọt lệ má hồng, Vô oan trái, Bó hoa lái, Cô Bạch Mai. Và các sách nghiên cứu lịch sử: Sài Gòn tháng 9 năm 1964, 83 năm nước Pháp và Việt Nam đã mấy lần ký Hiệp ước.

Ông mất tại Pháp năm 1978.

Nhân vật Nguyễn Văn Vân được bổ sung Quỹ tên đường tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố

13. Nguyễn Văn Vân (1920 - 1972)

Nhà cách mạng. Bí danh Bảy An. Quê Nam Đàn, Nghệ An.

Ông tham gia cách mạng, làm liên lạc từ năm 14 tuổi. Từ năm 1936 đến năm 1939, ông vào Sài Gòn hoạt động trong giới công nhân ở các hãng bia và thuốc lá. Năm 1940, ông bị địch bắt đày ra Côn Đảo. Trong kháng chiến chống Pháp, ông lần lượt giữ các chức vụ: Bí thư Quận ủy Cần Giuộc, Phó Bí thư Tỉnh ủy Chợ Lớn và năm 1960 là Khu ủy viên Khu ủy Sài Gòn - Gia Định đặc trách công tác Tuyên huấn và đào tạo cán bộ cho Khu ủy Sài Gòn - Gia Định.

Ông hy sinh tại Căn cứ Trung ương Cục miền Nam năm 1972.

Nhân vật Nguyễn Văn Vân được bổ sung Quỹ tên đường tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố

14. Sự kiện 30 tháng 4

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, ngày kết thúc chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn, thống nhất đất nước:

Nhận thấy thời cơ diễn ra đang có lợi cho quân và dân ta trên các mặt trận chính trị - quân sự và ngoại giao, đặc biệt là sau chiến dịch Tây Nguyên (04 - 24/3/1975), chiến dịch Huế - Đà Nẵng (21-29/3/1975) kết thúc thắng lợi, ngày 31/3/1975, Hội nghị Bộ Chính trị đã họp xác định "Từ giờ phút này trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân dân ta đã bắt đầu". Ngày 01/4/1975 chiến dịch giải phóng Sài Gòn đã bắt đầu được chuẩn bị theo tư tưởng chỉ đạo "thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng" với tốc độ "một ngày bằng 20 năm".

Đầu tháng 4/1975, Trung ương cục miền Nam ra chỉ thị cho quân dân Nam Bộ và Nam Trung Bộ (B2) hãy "táo bạo đánh các điểm then chốt... khi có

thời cơ". Bộ Chỉ huy chiến dịch giải phóng Sài Gòn quyết định mở chiến dịch chia cắt địch trong toàn B2 để bao vây cô lập địch ở Sài Gòn.

Ngày 08/4/1975, ta ném bom Dinh Độc Lập. Ngày 09/4/1975, ta tiến đánh địch ở Xuân Lộc. Ngày 16/4/1975, ta đập tan phòng tuyến phòng thủ từ xa của địch ở Phan Rang.

Ngày 12/4/1975, Thường vụ Thành ủy Sài Gòn - Gia Định ra Nghị quyết chuẩn bị cho chiến dịch giải phóng Sài Gòn. Các lực lượng vũ trang chính trị của Quân khu Sài Gòn - Gia Định căn cứ theo nhiệm vụ được giao tiến về Thành phố đã được khép kín và thắt chặt.

Ngày 14/4/1975, Bộ Chính trị phê chuẩn đề nghị của Bộ Chỉ huy chiến dịch, đặt tên chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định thành "*Chiến dịch Hồ Chí Minh*", phương án chiến dịch được thông qua lần cuối.

Ngày 18/4/1975, Trần Văn Đôn, Bộ trưởng Quốc phòng Ngụy đã phải thốt lên: "*Tình trạng nguy ngập thật sự, sự sống còn chỉ có thể tính từng ngày, từng tuần, không thể tính từng tháng*".

Ngày 26/4/1975, sau khi chọc thủng tuyến phòng thủ từ xa của quân Ngụy, năm cánh quân của ta, gồm 4 quân đoàn chủ lực và Đoàn 232 cùng với binh khí đã tập kết đầy đủ tại nơi quy định, hình thành thế trận bao vây Sài Gòn, ngay trong đêm đó, Nguyễn Văn Thiệu trốn sang Đài Loan. 17 giờ cùng ngày, quân ta nổ súng bắt đầu cuộc tiến công lớn vào Sài Gòn. Quân ta thuộc năm cánh từ các hướng, có sự phối hợp của lực lượng vũ trang địa phương và sự nổi dậy của quần chúng, được lệnh vượt qua tuyến phòng thủ ngoài của đối phương, tiến thẳng vào trung tâm Sài Gòn.

Ngày 29/4/1975, quân ta tổng công kích trên toàn mặt trận. Tất cả các cánh quân của ta, gồm 15 sư đoàn quân chủ lực, đồng loạt tiến công và chỉ trong một ngày đã đập vỡ tuyến phòng thủ vòng ngoài của quân đội Sài Gòn, ngăn chặn các tiểu đoàn chủ lực của chúng ở Tây Ninh, đồng bằng Sông Cửu Long không cho chúng co về Sài Gòn, tạo điều kiện cho quân ta tấn công sâu vào nội thành.

05 giờ 30 phút ngày 30/4, quân ta từ bốn hướng đồng loạt đánh vào năm mục tiêu đã lựa chọn: Bộ Tổng tham mưu Ngụy, sân bay Tân Sơn Nhất, Dinh Độc Lập, Tổng nha cảnh sát và Biệt khu thủ đô.

Hướng Tây và Tây Nam: Sư đoàn 9, Đoàn 232 đánh chiếm khu Nhà Bè, cầu Nhị Thiên Đường, cầu Chữ Y, Bộ Tư lệnh cảnh sát quốc gia, Bộ Tư lệnh thủy quân lục chiến, chiếm khu Tân Tạo và khu ra-đa Phú Lâm...; Sư đoàn 5 và các Trung đoàn 16, 24, 88 độc lập đánh diệt, làm tan rã sư đoàn 22, giải phóng thị xã Tân An, chi khu Thủ Thừa, chiếm cầu Bình Điền, An Lạc, phát triển cùng nhân dân giải phóng Quận 5, Quận 6, phối hợp với Sư đoàn 9 chiếm Bộ Tư lệnh cảnh sát quốc gia... Bộ đội đặc công phối hợp nhân dân đánh địch, giải phóng Tân Bình, Bình Chánh và đặc khu rừng Sác.

Hướng Tây Bắc: Quân đoàn 3, sau khi đánh chiếm căn cứ Đồng Dù, Trảng Bàng, diệt sư đoàn 25 Ngụy, tiến công chiếm sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ Tư lệnh

sư đoàn 5 không quân, Bộ Tư lệnh thiết giáp, Bộ Tư lệnh quân dù và phối hợp Quân đoàn 1 ở cánh bắc đánh chiếm Bộ Tổng tham mưu Ngụy.

Hướng Bắc: Quân đoàn 1 diệt căn cứ Phú Lợi, phát triển tiến công diệt và làm tan rã sư đoàn 5 Ngụy, giải phóng tỉnh Bình Dương. Binh đoàn thọc sâu Quân đoàn 1 diệt lữ đoàn 3 kỵ binh tại cầu Bình Triệu, qua ngã tư Phú Nhuận, theo đường Võ Tánh tiến công vào cổng số 2 và 3 phối hợp với Quân đoàn 3 chiếm Bộ Tổng tham mưu Ngụy.

Hướng Đông: 7 giờ, Quân đoàn 4 tiến công chiếm Bộ Tư lệnh quân đoàn 3 Ngụy, Sở Chỉ huy Sư đoàn 3 không quân Ngụy và sân bay Biên Hòa, đánh tan địch ngăn chặn ở Hồ Nai, sau đó tiến công sang Thủ Đức, phát triển vào nội đô đánh chiếm Bộ Chỉ huy thủy quân lục chiến, căn cứ hải quân, Bộ quốc phòng, cảng Bạch Đằng, Đài phát thanh... Sư đoàn 3, Quân khu 5 giải phóng Vũng Tàu, phát triển tiến công chiếm Cần Giờ.

Quân đoàn 2 tổ chức vượt sông Sài Gòn tiến công địch, giải phóng Quận 9 và Thủ Thiêm. Binh đoàn thọc sâu Quân đoàn 2 do Sư đoàn 304 và Lữ đoàn xe tăng 203 đảm nhiệm đã vượt cầu xa lộ Đồng Nai, đánh tan quân địch ngăn chặn, thần tốc tiến về Dinh Độc lập.

10 giờ 45 phút ngày 30/4, các đơn vị của Quân đoàn 2, bằng xe tăng và pháo binh, quân ta theo đại lộ Thống Nhất tiến thẳng vào "*Dinh Độc Lập*", bắt sống toàn bộ chính quyền trung ương Sài Gòn, buộc tổng thống Dương Văn Minh phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện. 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc phủ Tổng thống chính quyền Sài Gòn, báo hiệu sự toàn thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Cùng với đại quân của ta tiến thẳng vào Sài Gòn, lực lượng vũ trang và nhân dân các tỉnh còn lại ở Nam Bộ, theo đúng kế hoạch của Trung ương Cục và Bộ chỉ huy Miền, với phương châm "*xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh*" đã nhất tề tiến công và nổi dậy chiếm các căn cứ, huyện lỵ, tỉnh lỵ, bức đối phương phải nộp vũ khí đầu hàng. Đến ngày 02/5/1975, lực lượng vũ trang và bộ máy chính quyền của Dương Văn Minh ở Nam Bộ và trên khắp miền Nam nước ta đã tan rã hoàn toàn.

Thắng lợi vĩ đại của Chiến dịch Hồ Chí Minh kết thúc vẻ vang sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước của toàn dân, toàn quân ta, mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử phát triển của đất nước - kỷ nguyên độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, đưa cả nước vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Sự kiện lịch sử được bổ sung vào Quỹ tên đường tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 5351/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2016

15. Trần Quý Kiên (1911 - 1965)

Bí thư tỉnh Quảng Yên, Phó Văn phòng Thủ tướng, Bí thư Đảng ủy Dân chính Đảng Trung ương, Phó Ban Tổ chức Trung ương, Thứ trưởng Bộ Thủy lợi.

Tên thật: Đinh Xuân Nhạ, sinh năm 1911 tại Hà Nội.

Quê quán: Phương Vũ, Phương Dực, huyện Phú Xuyên, Hà Tây.

Sơ lược quá trình hoạt động cách mạng:

Năm 1929, ông tham gia cách mạng và được kết nạp vào Đảng Cộng sản vào tháng 5/1930.

Tháng 10/1930, ông bị địch bắt khi đang treo cờ và diễn thuyết công khai, cuối năm 1935 ông được ân xá. Sau đó ông tham gia thành lập Ủy ban sáng kiến, Xứ ủy Bắc Kỳ, Thành ủy Hải Phòng, Thành ủy Hà Nội.

Năm 1938, ông làm Bí thư Thành ủy Hà Nội, Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ.

Năm 1940 ông bị địch bắt ở Bắc Giang và giam ở nhà tù Sơn La. Sau khi Nhật đảo chính Pháp năm 1945, ông vượt ngục và được cử làm Bí thư khu Quang Trung gồm: Ninh Bình, Hòa Bình, Thanh Hóa, Sơn La.

Sau Cách mạng tháng 8/1945, ông giữ nhiều trọng trách: Bí thư tỉnh Quảng Yên; Khu ủy viên Liên khu III phụ trách các tỉnh Hải Dương, Hưng Yên sau phụ trách Thái Bình, Kiến An; Khu ủy viên khu Việt Bắc phụ trách Ban Căn cứ địa Trung ương năm 1949.

Từ năm 1957 đến 1958, ông giữ chức Phó Văn phòng Thủ tướng, Bí thư Đảng ủy Dân chính Đảng Trung ương, Phó ban Tổ chức Trung ương.

Từ năm 1958 đến 1965, ông giữ chức Thứ trưởng Bộ Thủy lợi, Bí thư Đảng đoàn Bộ Thủy lợi.

Ông mất ngày 09/8/1965.

Trong quá trình hoạt động cách mạng ông được Đảng, nhà nước tặng thưởng nhiều nhiều Huân, Huy chương: Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Lao động hạng Nhất, Huân chương Độc lập hạng Ba và Huân chương Hồ Chí Minh.

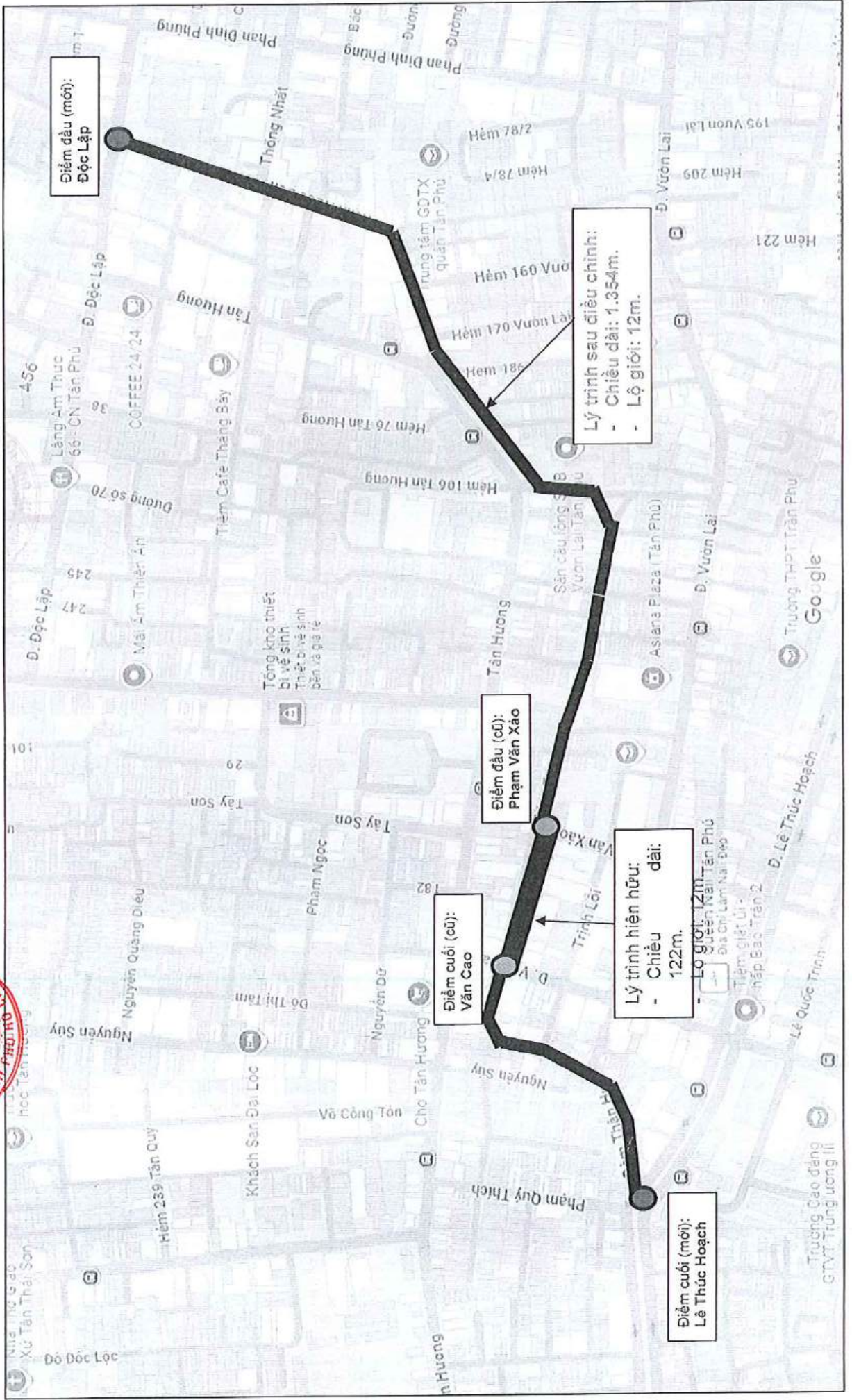
Sự kiện lịch sử được bổ sung vào Quỹ tên đường tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 5351/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2016

**SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

I. SƠ ĐỒ ĐIỀU CHỈNH LÝ TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN TÂN PHÚ



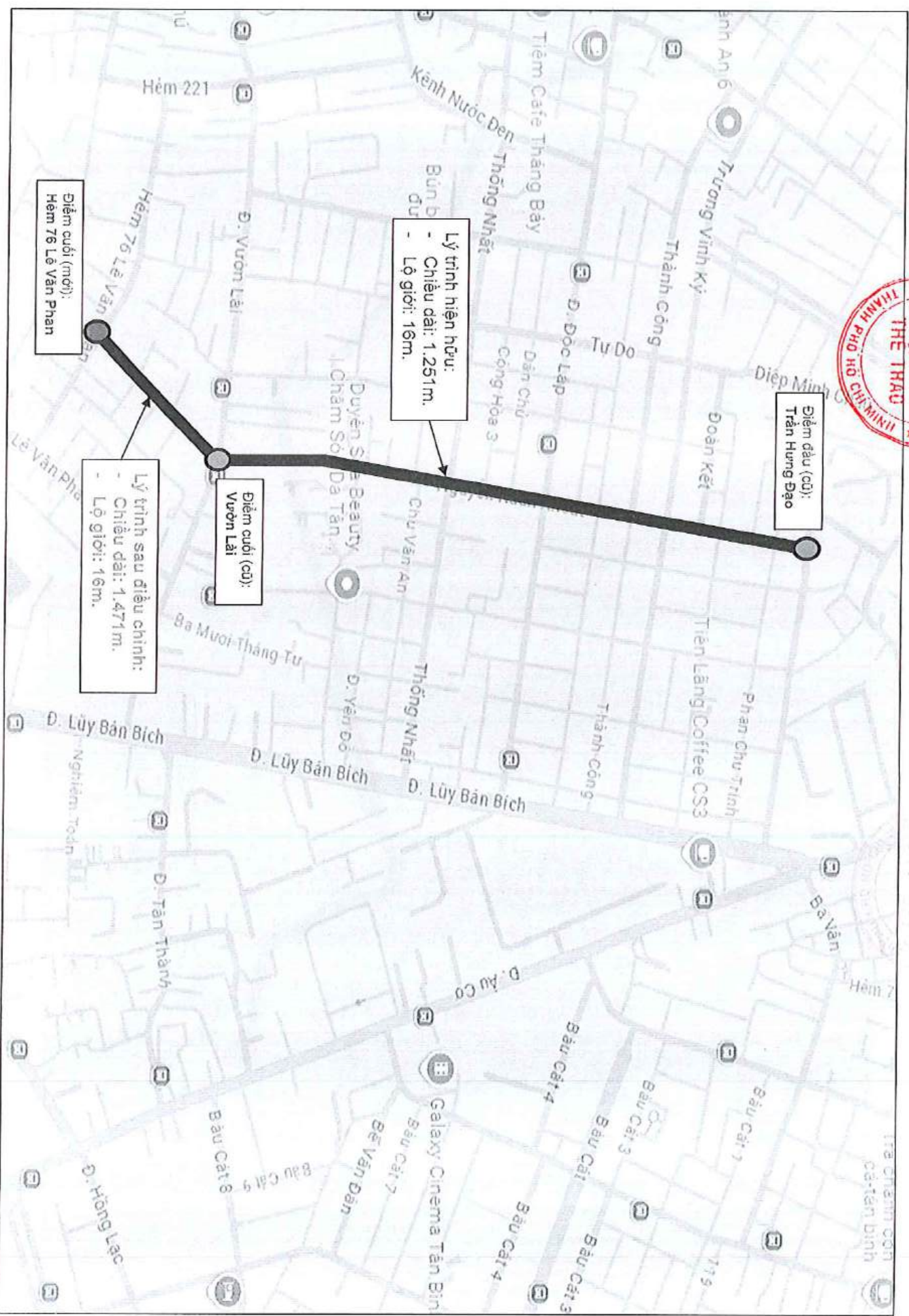
1. Đường Đàm Thận Huy





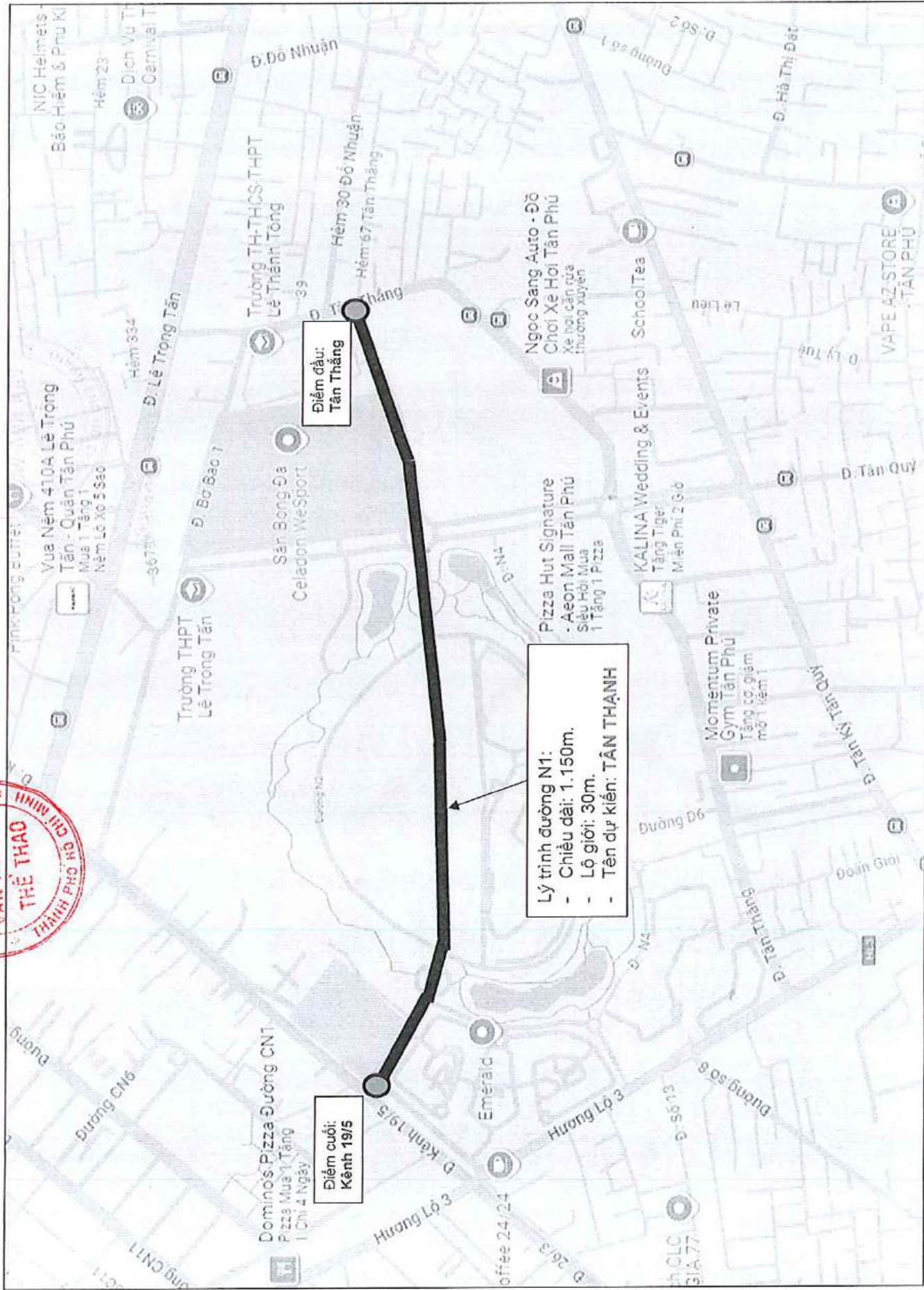
1. SƠ ĐỒ ĐIỀU CHỈNH LÝ TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN TÂN PHÚ

2. Đường Nguyễn Xuân Khoát



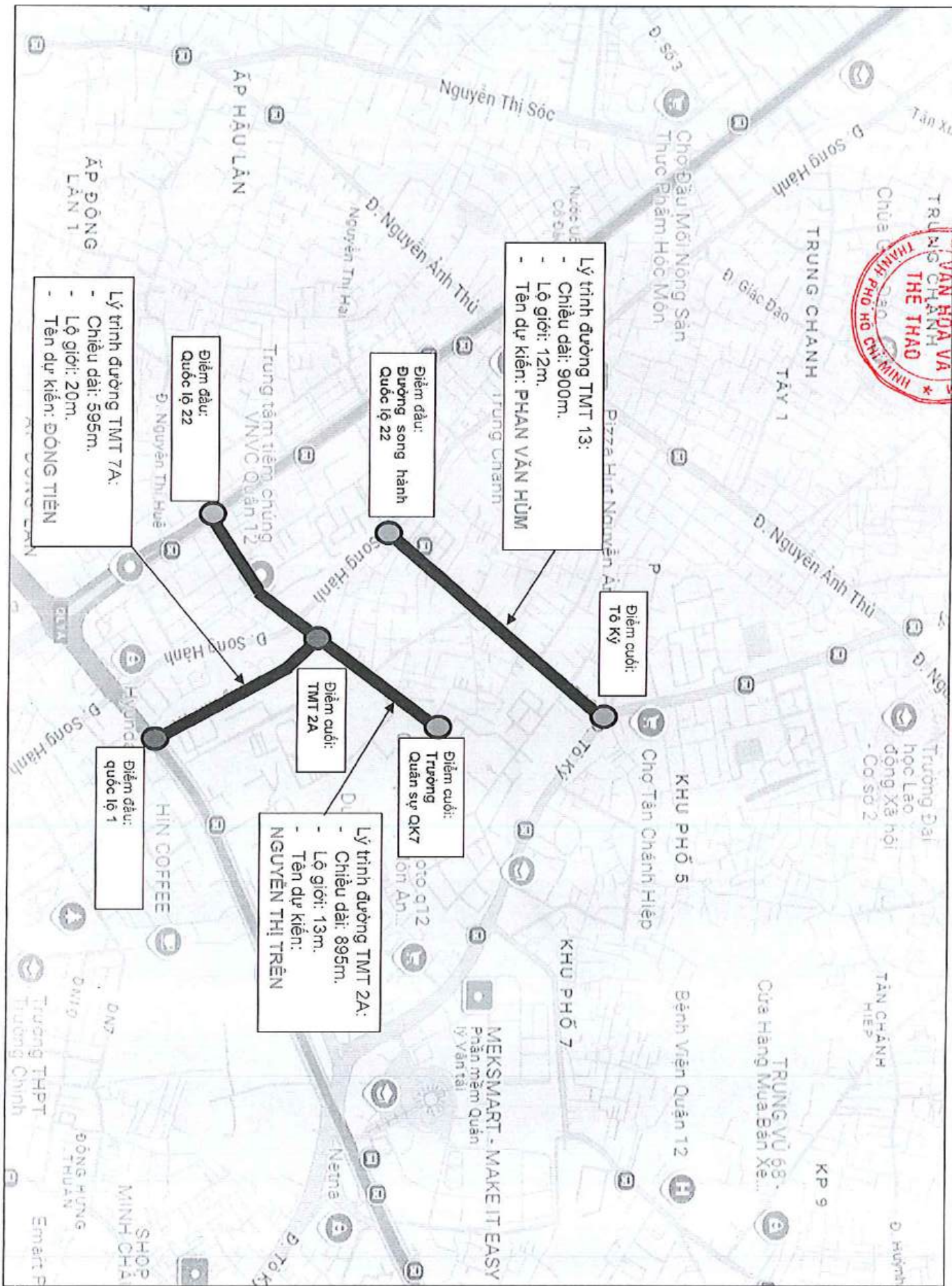
I. SƠ ĐỒ ĐẶT TÊN ĐƯỜNG QUẬN TÂN PHÚ

3. Đường N1 Khu dân cư và thể dục thể thao Tân Thắng



II. SƠ ĐỒ ĐẶT TÊN ĐƯỜNG QUẬN 12

1. Đường Trưng Mỹ Tây 13; 2. Đường Trưng Mỹ Tây 2A; 3. Đường Trưng Mỹ Tây 7A



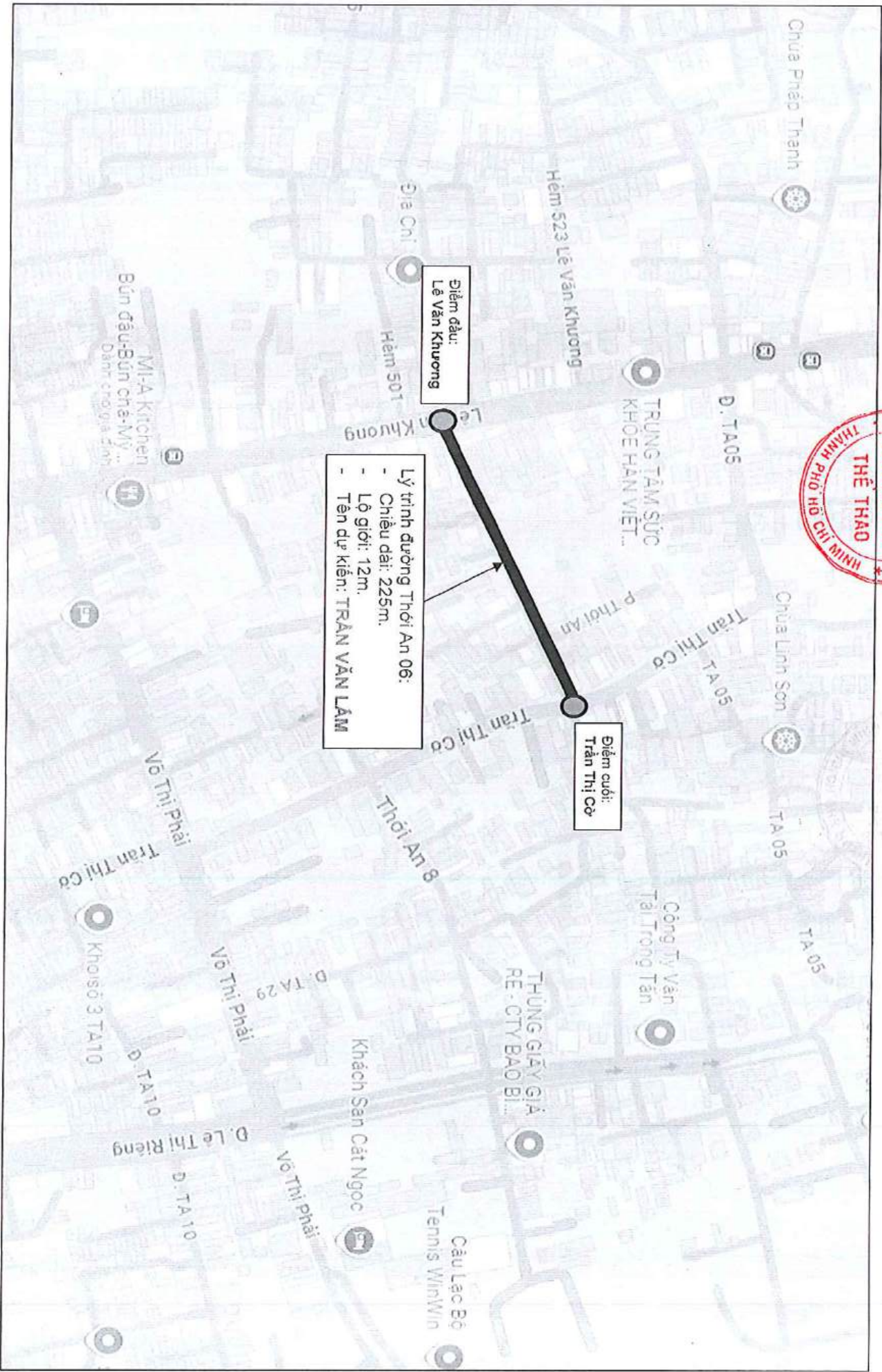
HII-SO ĐỒ ĐẶT TÊN ĐƯỜNG QUẬN 12

4. Đường Thới An 03





II. SƠ ĐỒ ĐẶT TÊN ĐƯỜNG QUẬN 12
5. Đường Thới An 06



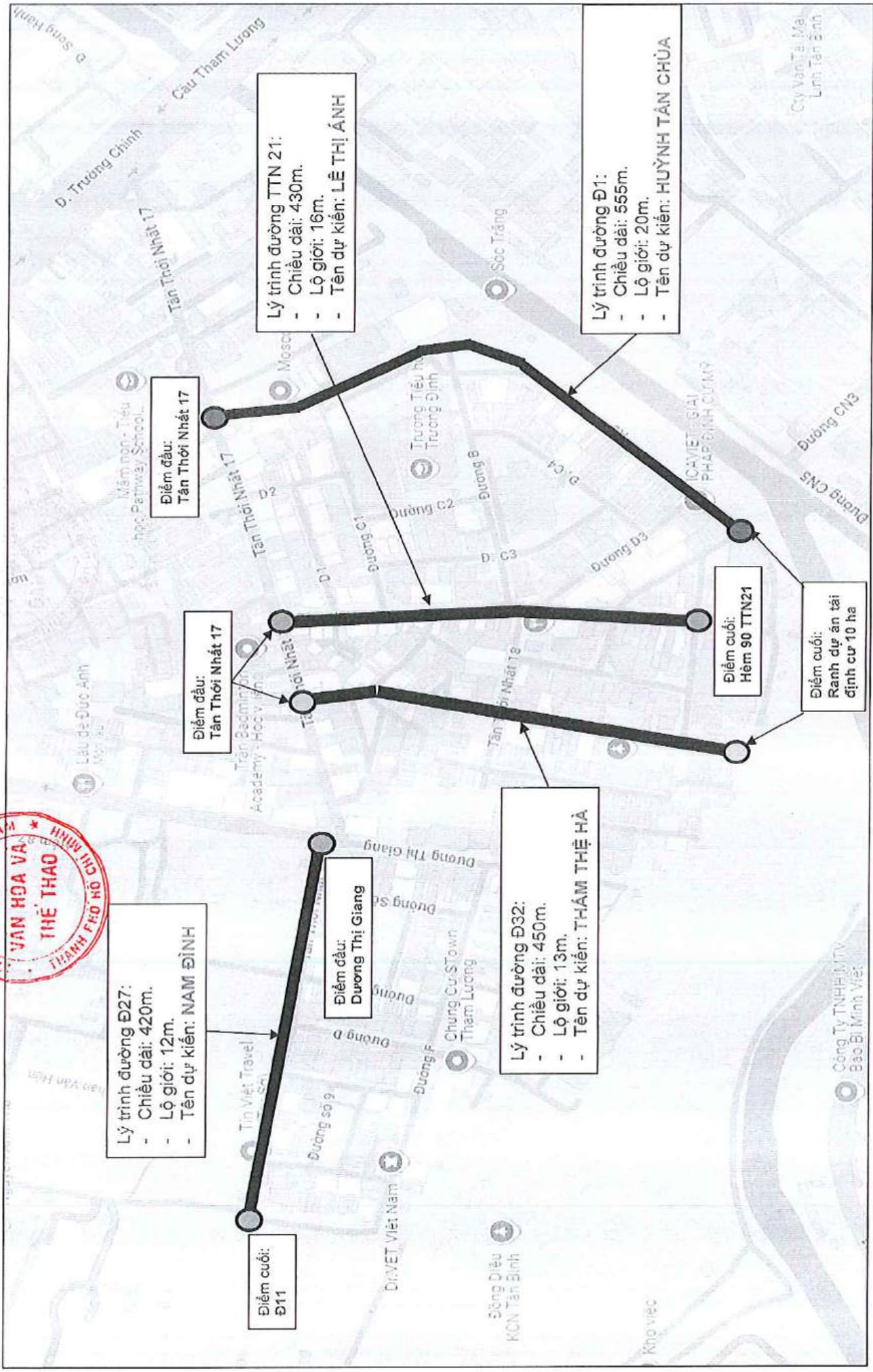
Điểm đầu:
Lê Văn Khương

Lý trình đường Thới An 06:
- Chiều dài: 225m,
- Lô giới: 12m,
- Tên dự kiến: TRẦN VĂN LÂM

Điểm cuối:
Trần Thị Cờ

II. SƠ ĐỒ ĐẶT TÊN ĐƯỜNG QUẬN 12

6. Đường Tân Thời Nhất 21; 7. Đường Đ1; 8. Đường Đ1; 9. Đường Đ27



Lý trình đường Đ27:
 - Chiều dài: 420m.
 - Lộ giới: 12m.
 - Tên dự kiến: NAM ĐÌNH

Điểm đầu:
 Dương Thị Giang

Lý trình đường Đ32:
 - Chiều dài: 450m.
 - Lộ giới: 13m.
 - Tên dự kiến: THẨM THỆ HÀ

Điểm cuối:
 Hẻm 90 TTN21

Điểm cuối:
 Ranh dự an tái
 định cư 10 ha

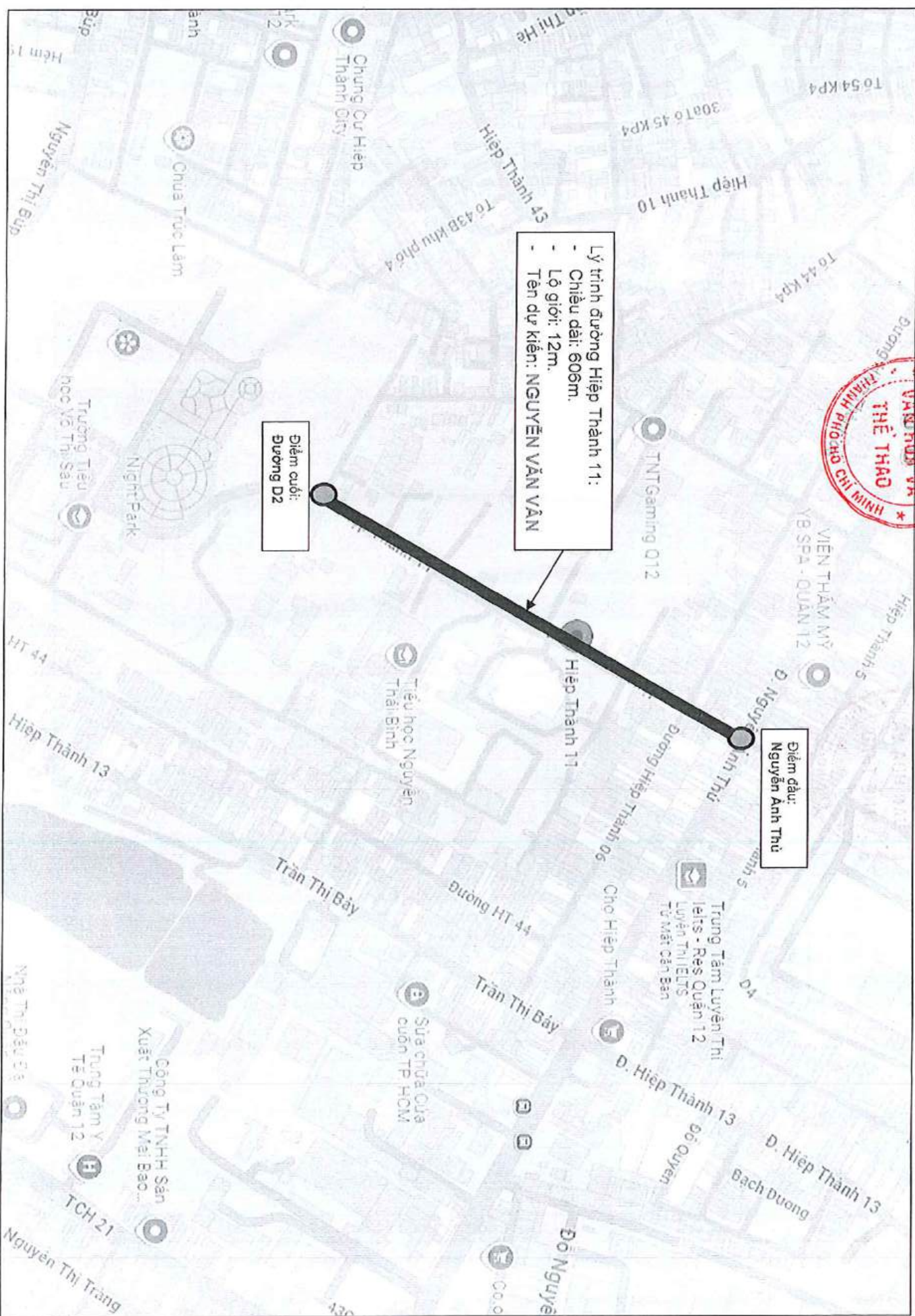
Điểm cuối:
 Đ11

Điểm đầu:
 Tân Thời Nhất 17

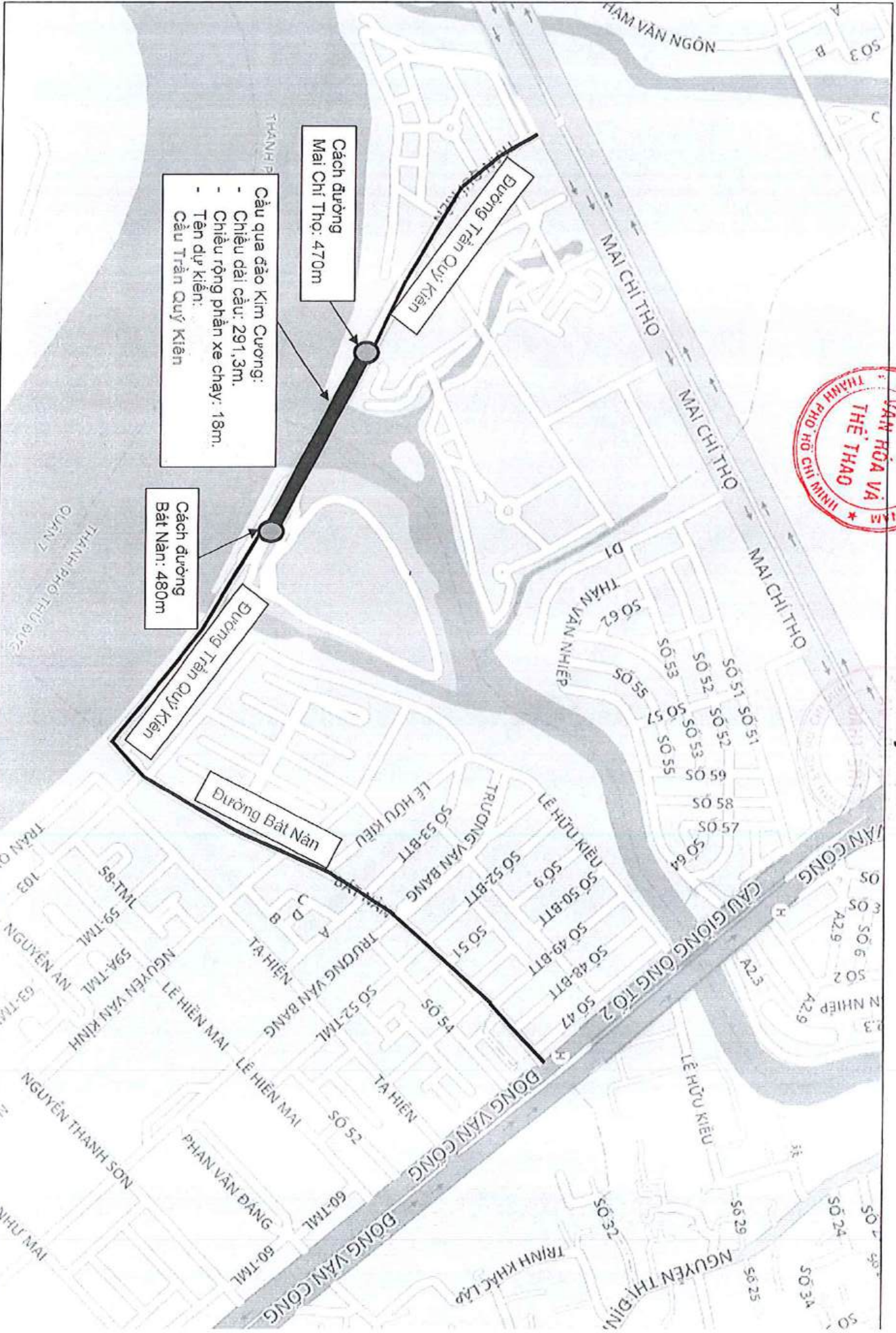
Lý trình đường TTN 21:
 - Chiều dài: 430m.
 - Lộ giới: 16m.
 - Tên dự kiến: LÊ THỊ ÁNH

Lý trình đường Đ1:
 - Chiều dài: 555m.
 - Lộ giới: 20m.
 - Tên dự kiến: HUỖNH TÂN CHÙA

II: SƠ ĐỒ ĐẶT TÊN ĐƯỜNG QUẬN 12
10. Đường Hiệp Thành 11



IM SƠ ĐỒ ĐẶT TÊN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
2. Cầu Trần Quý Kiên



Cách đường
Mai Chí Thọ: 470m

- Cầu qua đảo Kim Cương:
- Chiều dài cầu: 291,3m.
 - Chiều rộng phần xe chạy: 18m.
 - Tên dự kiến:
Cầu Trần Quý Kiên

Cách đường
Bát Nàn: 480m